

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2018/HNGĐ – ST**

Ngày: 05-10-2018

"V/v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 282/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Ch, sinh năm: 1980

Cư trú tại: Thôn Ng, xã Ng, huyện Q, tp Hà Nội

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982

Cư trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Q, tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ký ngày 17 tháng 01 năm 2006.

Khi chung sống với nhau anh và chị Nguyễn Thị H thường xuyên cãi vã do các bên khác biệt về cách sống, lối suy nghĩ, việc làm ăn. Mặt khác, các bên không có thời gian tìm hiểu nhau nên khi chung sống với nhau giữa các bên có sự khác biệt quá lớn về tính cách không thể dung hợp được. Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H cấm cản anh trong nhiều hoạt động, khiến anh thấy áp lực trong cuộc sống hôn nhân. Anh và chị Nguyễn Thị H nhiều lần trao đổi với nhau nhưng không được. Đến năm 2016 anh đi làm ăn xa và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian này đôi bên không quan tâm lẫn nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm của anh đối với chị Nguyễn Thị H không thể hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên là Đỗ Nhật Đ sinh năm 2004 và Đỗ Xuân H sinh năm 2012. Hiện hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị H. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng để các bên tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời khai của anh Đỗ Văn Ch về việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đỗ Văn Ch không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2016 thì anh Đỗ Văn Ch đi làm ăn xa. Từ năm 2016 cho đến nay anh Đỗ Văn Ch không có qua lại, thăm nom, chăm sóc chị và con cái. Việc anh Đỗ Văn Ch khai nhận vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn là không đúng. Hiện nay chị còn tình cảm với anh Đỗ Văn Ch, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên chị không đồng ý ly hôn với anh Đỗ Văn Ch.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đỗ Văn Ch có 02 con chung tên là Đỗ Nhật Đ sinh năm 2004 và Đỗ Xuân H sinh năm 2012. Hiện hai cháu đang ở với chị. Trường hợp giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng để các bên tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Đỗ Văn Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn Ch đối với chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao hai con chung là Đỗ Nhật Đ sinh năm 2004 và Đỗ Xuân H sinh năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và đơn xác nhận tạm trú (bản photo); biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 25 tháng 7 năm 2018; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn Đỗ Văn Ch; Bản tự khai ngày 9 tháng 8 năm 2018 và biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 9 năm 2018 của bị đơn Nguyễn Thị H.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất: Việc đăng ký kết hôn; về nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất: Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn; về việc ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Q, tỉnh Hà Tây vào ngày 17 tháng 01 năm 2006. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 07). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Anh Đỗ Văn Ch khai nhận anh Đỗ Văn Ch đôi bên không có thời gian tìm hiểu nhau. Sự khác biệt về tính cách,

suy nghĩ không thể dung hợp được, hôn nhân không hạnh phúc nên anh Đỗ Văn Ch yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H khai nhận vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị không đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn Ch. Xét thấy, qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện quá trình chung sống anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như công việc làm ăn, các mối quan hệ xã hội khác. Chị Nguyễn Thị H là người sống mạnh mẽ, cách thể hiện tình cảm và việc chăm sóc, yêu thương của chị đối với anh Đỗ Văn Ch khá cứng nhắc và bao bọc khiến cho anh Đỗ Văn Ch bị kiềm chế, không cho anh Đỗ Văn Ch sự tự do nhất định trong cuộc sống, cản trở anh trong việc phát triển sự nghiệp, các mối quan hệ làm cho quan hệ vợ chồng thiếu sự bình đẳng vi phạm quy định tại Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H khai nhận: Chị Nguyễn Thị H không đồng ý ly hôn với anh Đỗ Văn Ch, nếu anh Đỗ Văn Ch yêu cầu ly hôn thì phải để gia đình hai bên gặp nhau nói chuyện và nêu rõ lý do của việc ly hôn. Theo quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị Nguyễn Thị H đã cản trở việc ly hôn của anh Đỗ Văn Ch. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Đỗ Văn Ch.

[3] Về nuôi con chung: Anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Đỗ Nhật Đ sinh ngày 17-12-2004 và Đỗ Xuân H sinh ngày 02-3-2012. Lời khai của anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Đỗ Nhật Đ và Đỗ Xuân H đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”* nên có đủ cơ sở xác định Đỗ Nhật Đ và Đỗ Xuân H là con chung của anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Xét cháu Đỗ Xuân H mới 06 tuổi và cháu Đỗ Nhật Đ đang tuổi dậy thì cần sự chăm sóc chu đáo, yêu thương, lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng của cha hoặc mẹ. Anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H đều thừa nhận trong khoảng thời gian không chung sống với nhau chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Xuân H và cháu Đỗ Nhật Đ. Bản thân chị Nguyễn Thị H có công việc và giờ giấc làm việc ổn định, trong khi công việc của anh Đỗ Văn Ch không thường xuyên làm một nơi ổn định, thường xuyên di chuyển nơi ở. Mặt khác, tại phiên tòa anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đỗ Xuân H và cháu Đỗ Nhật Đ theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu cháu

Đỗ Xuân H và cháu Đỗ Nhật Đ cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn Ch có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch đối với chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Nhật Đ sinh ngày 17-12-2004 và cháu Đỗ Xuân H sinh ngày 02-3-2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đỗ Văn Ch có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022164 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-10-2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS h.Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh